

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Khái quát về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Khảo sát, lập Thiết kế BVTC - Dự toán.
- Tên dự án: Nâng cấp tuyến đê Hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.
- Chủ đầu tư: UBND phường Sơn Tây (Đơn vị được giao thực hiện các nhiệm vụ Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây).
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.
- **Giá gói thầu:** Dự toán (Giá) gói thầu đang được lập tương ứng mức thuế VAT là 8%. Để có căn cứ đưa về một mặt bằng đánh giá về tài chính, giá dự thầu của nhà thầu khi chào thầu được hiểu tương ứng với mức thuế VAT là 8%. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xác định giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành tương ứng với mức thuế VAT tại thời điểm nghiệm thu, thanh toán.

1.1. Mục tiêu nhiệm vụ dự án

Đảm bảo công tác phòng chống lụt bão, từng bước hoàn thiện Quy hoạch chung phường Sơn Tây và các khu vực lân cận, đảm bảo kết nối, phát triển giao thông, giảm áp lực giao thông Quốc lộ 32, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2. Quy mô và nội dung xây dựng

- Nâng cấp mặt đê hữu Hồng đoạn từ K26+600 đến K30+800 dài 4,205km. Bề rộng mặt cắt ngang $B=6,5m$, trong đó $B_{mặt}=5,5m$, $B_{lề}=(0,5 \times 2)m$; Mặt đê vận dụng tiêu chuẩn cấp thiết kế đường cấp VI đồng bằng; Tải trọng trục xe thiết kế 10T; Vận tốc thiết kế $V=30km/h$; $E_{yc}=130MPa$.

- Xây dựng đường cơ đê hạ lưu từ K28+447,45 đến K30+800 dài khoảng 2,648km, trong đó đoạn đường cơ đê từ K28+447,45 đến K30+800 dài 2.376,5m, đoạn đường nối từ đường cơ đê đến Quốc lộ 32 để nối với Quốc lộ 21 dài 271,50m.

+ Chiều rộng nền đường cơ đê thiết kế: $B_n=21,00m$, chiều rộng mặt đường thiết kế: $B_{mặt}=4 \times 3,50m$; chiều rộng dải an toàn $B_{dat}=4 \times 0,5m$; chiều rộng vỉa hè phải tuyến $B_{vỉa\ hè}=1 \times 3,0m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpcg}=1,50m$; chiều rộng lề đất trái tuyến $B_{lề}=1 \times 0,50m$. Thiết kế theo cấp hạng kỹ thuật đường chính khu vực, tải trọng trục xe thiết kế 10T, vận tốc độ thiết kế $V=60km/h$. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa,

$E_{yc}=155\text{Mpa}$.

+ Đoạn vượt nối từ đường cơ đê lên Quốc lộ 32: Chiều rộng nền đường thiết kế $B_n=7,0\text{m}\div 9,0\text{m}$; Chiều rộng mặt đường thiết kế: $B_{\text{mặt}}=2\times 3,50\text{m}$; Chiều rộng lề gia cố $B_{\text{lềgc}}=2\times 0,50\text{m}$; Chiều rộng lề đất $B_{\text{lềđ}}=2\times 0,50\text{m}$; Thiết kế theo cấp hạng kỹ thuật tương ứng đường cấp V đồng bằng, tải trọng trục xe thiết kế 10T, vận tốc độ thiết kế $V=40\text{km/h}$. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa, $E_{yc}=155\text{ Mpa}$.

- Các hạng mục khác: Khoan phụt vữa chống thấm thân đê, bố trí cọc tiêu hai bên mặt đê, điểm canh đê, dốc lên đê, biển báo, cột Km, Hm, hệ thống thoát nước; hệ thống chiếu sáng; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống cây xanh.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Việc tuyển chọn nhà thầu tư vấn nhằm chọn nhà thầu có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ Tư vấn Khảo sát xây dựng và Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (lập thuyết minh, dự toán, bản vẽ thi công...) theo đúng thời gian và tiến độ yêu cầu với khối lượng đầy đủ, có chi phí hợp lý, đảm bảo chất lượng hồ sơ dự án, đáp ứng được chủ trương đầu tư của dự án và các yêu cầu theo quy định hiện hành.

II. Phạm vi công việc

Nhà thầu tư vấn Khảo sát xây dựng và Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tuân thủ theo quy định Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 (và Luật xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020) và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu

a. Phạm vi công việc đối với nhà thầu tư vấn

Đề xuất các ý kiến mà nhà thầu cho là cần thiết và phù hợp với Dự án mà chưa được chủ đầu tư cho vào HSMT;

Nghiên cứu thuyết minh dự án, phương án thiết kế cơ sở đã được duyệt, khảo sát hiện trường và trình cho Chủ đầu tư mọi sản phẩm thiết kế của công trình, hạng mục công trình bao gồm các bản vẽ, thuyết minh thiết kế, dự toán xây dựng phù hợp với qui định của pháp luật về xây dựng;

Tham gia các cuộc họp có liên quan tới thiết kế tại công trường hoặc giao ban khi được chủ đầu tư triệu tập trong quá trình xây dựng công trình;

Tham gia nghiệm thu các giai đoạn xây lắp, nghiệm thu chạy thử hệ thống kỹ thuật, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình do Chủ đầu tư tổ chức;

Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thiết kế và thi công xây dựng công trình.

Lập hồ sơ và phối hợp với Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

Và các công việc khác phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành đối với công việc chính của Gói thầu là khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (tổng dự toán).

b. Thời gian thực hiện gói thầu

Tối đa 120 ngày (bao gồm cả thời gian chỉnh sửa hồ sơ không kể thời gian thẩm tra, thẩm định, phê duyệt).

2. Nhiệm vụ khảo sát xây dựng

a. Mục đích khảo sát xây dựng

Khảo sát xây dựng bước thiết kế bản vẽ thi công là thu thập những tài liệu xác định vị trí cụ thể, quy mô công trình, đề xuất các giải pháp thiết kế chi tiết hợp lý, tính toán tổng dự toán xây dựng công trình trên cơ sở tận dụng toàn bộ các tài liệu khảo sát các bước trước, bổ sung các dữ liệu cần thiết phục vụ công tác thiết kế, lập dự toán xây dựng.

b. Phạm vi khảo sát xây dựng:

- Nâng cấp hoàn thiện mặt đê hữu Hồng từ K26+600 đến K30+800 chiều dài khoảng 4.205,30m.

- Xây dựng tuyến đường cơ hạ lưu đê hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông từ KM28+447,45 đến KM30+800 dài khoảng 2.648,00m (bao gồm tuyến đường cơ đê hạ lưu dài 2.376,50m và đường nối đường cơ đê hạ lưu với QL32 dài 271,50m). Điểm đầu tại nút giao đường vành đai 5 (đầu cầu Vĩnh Thịnh), điểm cuối tại nút giao với phố Lê Lợi.

c. Yêu cầu về việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng

STT	Tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
2	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN11: 2008/BTNMT
3	Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế mặt bằng địa hình;	TCVN 8224:2009
4	Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới khống chế cao độ địa hình;	TCVN 8225:2009
5	Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5000;	TCVN 8226:2009

STT	Tiêu chuẩn	Mã hiệu
6	Công trình đề điều - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình;	TCVN 8481:2010
7	Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;	TCVN 8478:2018
8	Công trình đề điều - Khảo sát địa chất công trình;	TCVN 10404:2015
9	Công trình thủy lợi - thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;	TCVN 8477:2018
10	Công trình thủy lợi thành phần nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn trong giai đoạn lập dự án và thiết kế;	TCVN 12571:2018
11	Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong khảo sát địa chất	TCVN 9155:2021
12	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa CT	TCVN 9401:2024
13	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 9363:2012
14	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
15	Tiêu chuẩn cơ sở: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
16	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
17	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000 và 1:5000	Tiêu chuẩn ngành 96 TCN 43:1990
18	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	22 TCN 262:2000
19	Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
20	Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật trong khảo sát địa chất	TCVN 9155:2021
21	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
22	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phân loại;	TCVN 8217:2009
23	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
24	Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012

STT	Tiêu chuẩn	Mã hiệu
25	Yêu cầu bảo quản mẫu khoan trong công tác KSĐC công trình	TCVN 9140:2012
26	Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012
27	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012
28	Đất xây dựng - Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012
29	Đất xây dựng - Các phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014
30	Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng (xác định chỉ tiêu C, φ)	TCVN 4199:1995
31	Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
32	Đất xây dựng - Các phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
33	Phương pháp xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
34	Phương pháp xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm;	TCVN 8723:2012
35	Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong PTN	TCVN 8724:2012
36	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng;	TCVN 8725:2012
37	Đất xây dựng - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất.	TCVN 9153:2012
38	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868-2011
39	Thí nghiệm nén 1 trục nở hông cho đất dính (qu)	ASTM D2166
40	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
41	Đất, đá xây dựng - Phân loại	TCVN 5746:2024

STT	Tiêu chuẩn	Mã hiệu
	Các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành	

d. Khối lượng các loại công tác khảo sát xây dựng, dự toán khảo sát xây dựng:
Chi tiết thể hiện tại Mẫu số 01, Chương IV.

3. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng (phần thiết kế bản vẽ thi công và dự toán)

Thiết kế đúng yêu cầu của Chủ đầu tư, bảo đảm đúng với nội dung bước thiết kế, đủ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán chi tiết các hạng mục của công trình, có các chỉ dẫn chi tiết bảo đảm đọc đúng, dễ hiểu và thực hiện đúng ý đồ của tác giả thiết kế;

Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thiết kế (bao gồm cả tính chính xác của tiên lượng, dự toán). Trong trường hợp phải thi công xây dựng lại một phần việc nào đó hoặc do thiết kế sai phải thi công lại ảnh hưởng đến các phần việc khác thì Nhà thầu phải chịu trách nhiệm do lỗi của mình gây ra; theo thông báo của Chủ đầu tư.

Nhà thầu chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, trước pháp luật về thực hiện đúng thủ tục đầu tư và xây dựng, về chất lượng sản phẩm tư vấn của mình trong hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật thiết bị và tổng dự toán, những nội dung tư vấn khác chịu sự kiểm tra thường xuyên của Chủ đầu tư và cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng;

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Chủ đầu tư về chất lượng sản phẩm thiết kế của mình, đảm bảo an toàn và ổn định của kết cấu, có kiến trúc, quy hoạch phù hợp với dự án đã được duyệt, có biện pháp đảm bảo an toàn môi sinh - môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ công trình trong quá trình xây dựng và đưa vào sử dụng;

Sản phẩm thiết kế phải phù hợp với quy chuẩn hiện hành về xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước, của ngành, nhiệm vụ thiết kế và hợp đồng giao nhận thầu thiết kế. Sản phẩm thiết kế phải phù hợp với nội dung theo trình tự thiết kế, có thuyết minh kỹ thuật thi công đối với bộ phận chịu lực quan trọng của công trình. Trường hợp thi công phức tạp, có thuyết minh về sử dụng và bảo trì công trình, có ghi rõ quy cách chủng loại, tính năng yêu cầu cần thiết của vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình;

Hồ sơ thiết kế xây dựng phải xác định đúng tại vị trí xây dựng công trình, phản ánh đúng hiện trạng mặt bằng xây dựng, địa hình địa chất công trình và địa chất thủy văn. Kết quả hồ sơ thiết kế phải được Người thiết kế và Chủ đầu tư nghiệm thu để sử dụng đúng quy trình kỹ thuật;

Nhà thầu có trách nhiệm và cùng Chủ đầu tư hướng dẫn các Nhà thầu xây lắp đi thăm quan hiện trường;

Việc giải thích hồ sơ thiết kế là trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn đối với các Nhà thầu xây lắp. Các văn bản gửi cho chủ đầu tư và cho Nhà thầu tùy thuộc uỷ quyền của Chủ đầu tư cho đơn vị tư vấn;

Nhà thầu chịu trách nhiệm về các số liệu tính toán thiết kế, dự toán và giải trình, sửa đổi hồ sơ với các cơ quan thẩm định và cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ thiết

kế bản vẽ thi công, thiết bị, tổng dự toán chỉ được Bên mời thầu chấp nhận khi có quyết định phê duyệt và là cơ sở để thanh toán chi phí tư vấn cho Nhà thầu.

Nhà thầu phải thực hiện công tác giám sát tác giả trong suốt quá trình thi công xây lắp, hoàn thiện, nghiệm thu công trình và bảo hành theo quy định;

Theo dõi, phối hợp giải quyết các vướng mắc, thay đổi, phát sinh về thiết kế trong quá trình mua sắm và thi công;

Kiểm tra, nghiệm thu các hạng mục trong quá trình thi công xây lắp;

Nhà thầu chịu trách nhiệm giải trình trước các cơ quan thẩm quyền và chịu chi phí liên quan (như hội họp, đi lại...) chịu trách nhiệm giải thích nếu có bất cứ khiếu nại gì của Nhà thầu thi công về hồ sơ thiết kế của tư vấn;

Nghiêm cấm nhà thầu nhận thiết kế quá phạm vi đã đăng ký hoặc mượn danh nghĩa của tổ chức thiết kế khác dưới bất kỳ hình thức nào;

Thực hiện chế độ bảo hiểm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;

Nhà thầu phải bồi thường bằng toàn bộ chi phí khắc phục thực tế và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến tài sản bị thất thoát được cơ quan thanh tra/kiểm tra phát hiện và kết luận là do Nhà thầu tư vấn tính toán sai số lượng, khối lượng công việc trong dự toán xây dựng công trình so với thiết kế được lập;

Chủ nhiệm thiết kế và các Chủ trì thiết kế phải chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng và tính đúng đắn của đồ án thiết kế, giải pháp kỹ thuật nêu ra và tiên lượng thiết kế;

Khi có yêu cầu bổ sung, sửa đổi hoặc thiết kế lại của Chủ đầu tư trong phạm vi chủ trương của dự án từ đầu (cũng như các bên thẩm tra, thẩm định và phê duyệt), Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành đến khi được chấp nhận;

Bảo đảm đúng tiến độ đề ra;

Nhà thầu phải cử các cán bộ đủ tiêu chuẩn về bằng cấp, kinh nghiệm cần thiết cho việc thiết kế đồ án xây dựng trên;

Trong quá trình thi công công trình, nếu có vấn đề nảy sinh do thiếu sót của Nhà thầu, Nhà thầu nhanh chóng sửa chữa, khắc phục và bổ sung để không ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án;

Trong quá trình thi công công trình, Nhà thầu phải cử đại diện uỷ quyền của mình giám sát tác giả theo quy định và ký các Biên bản nghiệm thu theo quy định hiện hành.

Và các nhiệm vụ khác phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành đối với công việc chính của Gói thầu là lập khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (tổng dự toán).

*** Yêu cầu về sản phẩm của nhà thầu:**

- Yêu cầu chung:

Nhà thầu thiết kế có trách nhiệm thực hiện chế độ kiểm tra nội bộ đối với hồ sơ thiết kế xây dựng công trình trong quá trình thiết kế và trước khi giao hồ sơ thiết kế cho chủ đầu tư. Nhà thầu thiết kế chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện công việc kiểm tra chất lượng thiết kế. Người kiểm tra thiết kế phải ký tên, xác nhận trên bản vẽ thiết kế.

Hồ sơ thiết kế được lập cho từng công trình bao gồm thuyết minh thiết kế, bản tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, dự toán xây dựng công trình và quy trình bảo trì công trình (nếu có).

Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế, người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế và dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ thiết kế theo khuôn khổ thống nhất có danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

Sản phẩm của Nhà thầu phải phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành đối với công việc chính của Gói thầu là lập khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (tổng dự toán).

- Yêu cầu chi tiết:

a) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: phù hợp với phương án thiết kế cơ sở đã được phê duyệt và Dự án đầu tư xây dựng được duyệt, đáp ứng các yêu cầu sau:

Thuyết minh gồm có các nội dung theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về Quản lý chất lượng xây dựng công trình, nhưng phải tính toán lại và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật kiểm tra các số liệu và làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được, phù hợp với HSMT của chủ đầu tư đặt ra;

Hồ sơ thiết kế được lập bao gồm thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, quy trình bảo trì công trình, dự toán xây dựng công trình.

Lập bản vẽ tổng mặt bằng xây dựng đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng và tỷ lệ quy định. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình phải thể hiện đầy đủ, chính xác các thông số kỹ thuật và tuân thủ đầy đủ hệ thống ký hiệu bản vẽ theo quy định;

Hồ sơ thiết kế phải phù hợp với kết quả khảo sát theo quy định.

Thuyết minh kỹ thuật:

+ Các nội dung của chỉ dẫn kỹ thuật có thể lập riêng hoặc được quy định trong thuyết minh thiết kế xây dựng công trình, bản vẽ thi công và trong quy trình giám sát và kiểm soát chất lượng công trình. Chỉ dẫn kỹ thuật của công trình bao gồm phần chỉ dẫn chung và các chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể cho từng loại công việc xây dựng chủ yếu. Chỉ dẫn kỹ thuật phải thể hiện rõ những yêu cầu kỹ thuật mà nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện; trong đó nêu rõ các sai số cho phép trong thi công xây dựng, các yêu cầu kỹ thuật và quy trình kiểm tra đối với vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình.

+ Chỉ dẫn kỹ thuật nêu rõ các loại vật liệu, mô tả đặc tính, kỹ thuật vật liệu theo quy định. Chỉ dẫn kỹ thuật phải nêu rõ các tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng sử dụng của thiết bị, vật tư, cấu kiện đưa vào hồ sơ thiết kế.

Lập và bàn giao chủ đầu tư quy trình bảo trì đúng quy định công trình, bộ phận công trình do mình thiết kế;

Bản vẽ thể hiện chi tiết về các kích thước, thông số kỹ thuật chủ yếu, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện để lập dự toán xây dựng công trình;

Dự toán xây dựng công trình phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ chính sách quy định về lập và quản lý chi phí xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình.

b) Số lượng hồ sơ là 06 bộ, bao gồm:

- TẬP 1: THUYẾT MINH BVTKTC VÀ TỔNG DỰ TOÁN
- Tập 1.1: Thuyết minh Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công
- Tập 1.2: Tổng dự toán và các phụ lục đính kèm
- TẬP 2: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
- Tập 2.1: Thuyết minh thiết kế
- Tập 2.2: Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công
- Tập 2.3: Phụ lục tính toán
- Tập 2.4: Chỉ dẫn kỹ thuật.

Ghi chú: Tùy theo nhu cầu cụ thể, từng tập nêu trên có thể được tách thành nhiều tập con hoặc gộp vào tập chung.

c) Quy cách Bản vẽ và Tài liệu:

Bản vẽ: khổ A2 hoặc A3 đóng quyển (tập), Font chữ Times New Roman;

Thuyết minh thiết kế và dự toán: Khổ A4, đóng quyển (tập), Font chữ Times New Roman;

01 USB ghi toàn bộ dữ liệu nêu trên (riêng bản vẽ file cad).

****/ Tiêu chuẩn áp dụng***

TT	Số hiệu	Tiêu chuẩn, tài liệu
1	QCVN 04-02:2018/BNNPTNT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Công trình thủy lợi – thành phần, nội dung lập thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công
2	QCVN 07:2023/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị
3	QCVN 04-05: 2022	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai.
4	QCVN 41:2024/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ
5	QCVN 07:2019/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông
6	QCVN 01:2021/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng
7	QCVN 02:2022/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng
8	QCVN 01:2020/BCT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện
9	QCVN 03:2022/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng
10	QCVN 09:2017/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả
11	TCVN 12846:2020	Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Thiết kế kỹ thuật và Thiết kế bản vẽ thi công
12	TCVN 8419:2022	Công trình bảo vệ đê, bờ sông yêu cầu thiết kế.
13	TCVN 9902:2016	Công trình thủy lợi - Thiết kế đê sông
14	TCVN 8421:2010	Công trình thủy lợi - tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu.
15	TCVN 8217:2009	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phân loại
16	TCVN 8218:2009	Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật
17	TCVN 8219:2009	Hỗn hợp bê tông thủy công và bê tông thủy công - Phương pháp thử.
18	TCVN 8220:2009	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp xác định độ dày danh định
19	TCVN 8221:2009	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp xác định khối lượng trên đơn vị diện tích.
20	TCVN 8222:2009	Vải địa kỹ thuật - Quy định chung về lấy mẫu, thử

TT	Số hiệu	Tiêu chuẩn, tài liệu
		mẫu và xử lý thống kê.
21	TCVN 8228:2009	Hỗn hợp bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật.
22	TCVN 4253:2012	Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế
23	TCVN 2737:2023	Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế
24	TCVN 5573:2011	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép
25	TCVN 9379:2012	Kết cấu xây dựng và nền
26	TCVN 5574:2018	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
27	TCVN 5575:2012	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế
28	TCCS 38:2022/TCĐBVN	Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế
29	TCCS 39:2022/TCĐBVN	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông
30	TCCS 40:2022/TCĐBVN	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông
31	TCVN 10304:2014	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế
32	TCVN 4054:2005	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.
33	TCVN 13592: 2022	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế
34	TCVN 11823-2017	Tiêu chuẩn quốc gia về Thiết kế cầu đường bộ
35	TCVN 8859-2023	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu thi công và nghiệm thu
36	TCVN 13567-1:2022	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường
37	TCVN 9436:2012	Nền đường ô tô: Thi công và nghiệm thu
38	TCVN 9115:2019	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu
39	TCVN 4453:1995	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – quy phạm thi công và nghiệm thu
40	TCVN 9113:2012	Ống bê tông cốt thép thoát nước
41	TCVN 9116:2012	Cống hộp bê tông cốt thép đúc sẵn.
42	TCCS 29:2020 TCĐBVN	Nền đường đắp đá, thiết kế, thi công và nghiệm thu

TT	Số hiệu	Tiêu chuẩn, tài liệu
43	TCVN 8828:2011	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên
44	TCVN 7572-1÷20:2006	Cốt liệu cho bê tông và vữa - phương pháp thử
45	TCVN 4085 -2011	Kết cấu gạch đá. Quy phạm thi công và nghiệm thu
46	TCVN 4314-2022	Vữa xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật
47	TCVN 4447- 2012	Công tác đất. Quy phạm thi công và nghiệm thu
48	TCVN 4055-2012	Công trình xây dựng – tổ chức thi công
49	TCVN 9202 - 2012	Xi măng xây trát
50	TCVN 2682-2020	Xi măng Pooc lăng
51	TCVN 6260:2020	Xi măng poóc lăng hỗn hợp
52	TCVN 6477-2016	Gạch không nung
53	TCXDVN 259:2001	Tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo đường phố, quảng trường đô thị
54	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng chuyên ngành về thiết kế khác có liên quan.	

*** Đối với công tác lập dự toán:**

Lập dự toán phải căn cứ vào những các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành. Áp dụng định mức, đơn giá phải phù hợp với biện pháp thi công, hồ sơ thiết kế, chế độ, chính sách theo quy định.

Khối lượng xây lắp và thiết bị đảm bảo chính xác và đầy đủ so với thiết kế;

Dự toán cần phải lập riêng theo từng hạng mục công trình.

Phải có bảng tiên lượng chi tiết đi kèm.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện

3.1. Tiến độ thực hiện: Tối đa 120 ngày.

- Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết (bao gồm cả bố trí nhân lực, thiết bị) để thực hiện từng hạng mục công việc, kể cả thời gian hội thảo, xin ý kiến, ,.... Bố trí hoàn thành các hạng mục độc lập không phụ thuộc nhau hợp lý đảm bảo thời gian thực hiện tối đa là 120 ngày.

3.2. Kế hoạch, báo cáo:

- Ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực, nhà tư vấn có trách nhiệm lên danh mục khối lượng công việc thực hiện và các yêu cầu đề xuất cần thiết với chủ đầu tư để có sự phối hợp cần thiết trong công việc.

- Kế hoạch công việc của nhà thầu phải thể hiện rõ các nội dung công việc từ khâu chuẩn bị thực hiện cho đến khi hoàn thành.

Nhà thầu tư vấn phải có Báo cáo về chất lượng, tiến độ công việc tới đại diện Chủ

đầu tư khi đại diện Chủ đầu tư yêu cầu.

Trong quá trình triển khai thực hiện gói thầu để đảm bảo tiến độ thực hiện, đồng thời giải quyết các vấn đề còn chưa thống nhất giữa các bên sau khi nhận được giấy mời họp từ Chủ đầu tư nhà thầu phải bố trí toàn bộ Chủ nhiệm và Chủ trì thiết kế liên quan đến các hạng mục cần thảo luận đã bố trí trong E-HSDT tham dự họp (Chủ đầu tư sẽ gửi văn bản mời họp qua mail hoặc zalo hoặc chuyển phát nhanh theo địa chỉ công ty trước 2 ngày làm việc).

IV. Các yêu cầu về giải pháp và phương pháp luận

4.1. Hiểu rõ mục đích gói thầu

4.1.1. Trình bày đúng, đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, khoa học về phạm vi, quy mô của dự án, mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của gói thầu đã nêu trong điều khoản tham chiếu. Hiểu rõ mối quan hệ giữa Tổ chức tư vấn, Nhà thầu với Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan. Quyền và nghĩa vụ của tư vấn khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (tổng dự toán). Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Hiểu biết về dự án và gói thầu;
- Mối quan hệ giữa Tổ chức tư vấn, Nhà thầu với Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan.
- Quyền và nghĩa vụ của Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (tổng dự toán).
- Quyền và nghĩa vụ của tư vấn khảo sát xây dựng.

4.1.2. Nhà thầu mô tả cụ thể sản phẩm của gói thầu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành và điều khoản tham chiếu. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Nội dung về công tác khảo sát xây dựng
- Nội dung về bản vẽ, thuyết minh thiết kế xây dựng công trình, các bảng tính kèm theo.
- Nội dung về chỉ dẫn kỹ thuật.
- Nội dung về dự toán xây dựng công trình.
- Nội dung về quy trình bảo trì công trình xây dựng.
- Và các nội dung khác phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành

4.1.3. Nhà thầu có quy trình tổng thể về thực hiện khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (tổng dự toán) cho gói thầu. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Sơ đồ tổ chức thể hiện mối quan hệ thực hiện nhiệm vụ giữa các bên liên quan (chủ đầu tư, đơn vị thiết kế, đơn vị thẩm tra, ...). Nêu rõ Quyền và trách nhiệm (nghĩa vụ) của các đơn vị có liên quan nhằm mục đích hiểu rõ để phối hợp thực hiện công việc đạt được tính hiệu quả về chất lượng và tiến độ.

- Sơ đồ tổ chức thực hiện trong đó có thể hiện quyền và trách nhiệm của các bộ phận tham gia thực hiện nhiệm vụ khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (tổng dự toán).
- Quy trình tổng thể thực hiện và kiểm soát công tác thiết kế, dự toán trong giai đoạn thiết kế
- Quy trình điều chỉnh, chỉnh sửa thiết kế sau khi có ý kiến thẩm tra, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.
- Quy trình quản lý thực hiện công tác thiết kế và lập dự toán trong quá trình triển khai thi công: Điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; giám sát tác giả công tác thiết kế...

4.1.4. Nhà thầu có Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình ảnh minh họa vị trí và mô tả đặc điểm hiện trạng của dự án). Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Khảo sát mô tả chi tiết hiện trạng hiện trường dự án và xung quanh dự án.
- Hình ảnh hiện trạng dự án.

4.2. Cách tiếp cận và phương pháp luận

4.2.1. Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất thực hiện cho dự án. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Các cơ sở pháp lý phục vụ lập bản vẽ thi công và dự toán.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng cho gói thầu.
- Đề xuất kỹ thuật phân khảo sát địa hình;
- Đề xuất kỹ thuật phân khảo sát địa chất công trình;
- Đề xuất kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công phần kết cấu tuyến đê;
- Đề xuất kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công phần giao thông;
- Đề xuất kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công phần thoát nước;
- Đề xuất kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công phần điện chiếu sáng;
- Đề xuất kỹ thuật lập dự toán (tổng dự toán);
- Đề xuất kỹ thuật thiết kế các hạng mục khác của gói thầu;
- Đề xuất kỹ thuật lập thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công, phụ lục tính toán;
- Đề xuất kỹ thuật lập chỉ dẫn kỹ thuật;
- Đề xuất kỹ thuật lập quy trình bảo trì công trình xây dựng;
- Đề xuất biện pháp quản lý chất lượng các công việc.
- Phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất thực hiện cho dự án.

- Và các nội dung khác phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành đối với công việc chính của Gói thầu là lập khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (tổng dự toán).

4.3. Sáng kiến cải tiến

4.3.1. Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án. Có đề xuất thực hiện tốt các công việc mang tính đặc thù của dự án (đưa ra các giải pháp đảm bảo chất lượng cho dự án).

- Có đề xuất hợp lý, chi tiết.

4.4. Cách trình bày

- Trình bày đề xuất kỹ thuật theo tuần tự các đầu mục nêu tại Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống) và Điều khoản tham chiếu nêu tại Chương V của E-HSMT;
- Các nội dung của Đề xuất kỹ thuật được phân chia thành các đầu mục hợp lý, dễ theo dõi, dễ đánh giá và phải có mục lục tổng hợp (có đánh số trang)..

4.5. Kế hoạch triển khai

4.5.1. Kế hoạch công việc phải bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Kế hoạch triển khai công tác khảo sát xây dựng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, biểu đồ công tác, lịch bố trí nhân sự
- Các nhiệm vụ phải được phân tích mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng.
- Có kế hoạch huy động, biểu đồ công tác, lịch bố trí nhân sự tại hiện trường phù hợp với công tác.
- Bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo.

4.5.2. Tiến độ hoàn thành: Đầy đủ, chi tiết tất cả các hạng mục và đạt yêu cầu tiến độ (≤ 120 ngày). Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Biểu đồ chi tiết tiến độ công việc bao gồm các công việc cần thực hiện.
- Tiến độ ≤ 120 ngày.

4.6. Bố trí nhân sự

4.6.1. Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; Thời điểm và thời gian huy động phù hợp với kế hoạch triển khai. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Bố trí nhân sự theo yêu cầu E-HSMT.
- Thời điểm và thời gian huy động phù hợp với kế hoạch triển khai.

4.6.2. Đề xuất cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự cho thấy tư vấn đã tối ưu việc huy động các nguồn lực một cách kinh tế và hiệu quả. Thể hiện tính trách nhiệm cao, lâu dài các nhân sự chủ chốt. Có Sơ đồ tổ chức đầy đủ và chi tiết, kế hoạch bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ. Nhà thầu trình bày các nội dung sau:

- Sơ đồ tổ chức của nhà thầu (bao gồm cả thuyết minh sơ đồ tổ chức).
- Có sơ đồ bố trí cán bộ chuyên ngành phải phù hợp với công việc và đề xuất trong E-HSDT.
- Thuyết minh sơ đồ gồm: Quyền hạn, trách nhiệm của các cán bộ.

V. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

Nhà thầu phải bố trí tối thiểu nhân sự đáp ứng theo yêu cầu tại Chương III E-HSMT. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT.

Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê.

Nhà thầu không bố trí đồng thời hoặc kiêm nhiệm các vị trí trong gói thầu.

Trong quá trình thực hiện, nhà thầu có trách nhiệm cử cán bộ Chủ nhiệm dự án, chủ trì bộ môn phối hợp với Chủ đầu tư cùng thực hiện công việc, giải trình với đơn vị thẩm tra, thẩm định và giải quyết các vấn đề có liên quan

Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng;

Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được của Nhà thầu kê khai phù hợp với nhân sự yêu cầu. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận;

Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế;

Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận;

Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở của Hợp đồng;

Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động.

Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

VI. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

Trong thời gian có hiệu lực của dịch vụ tư vấn đã thảo luận, chủ đầu tư cho phép các nhân viên tư vấn, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án khi nhà tư vấn yêu cầu để thực hiện dịch vụ tư vấn.

Sắp xếp cán bộ để cùng làm việc với nhà thầu tư vấn.

Về tất cả các vấn đề nhà thầu tư vấn thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản, chủ đầu tư có văn bản trả lời trong khoảng thời gian thích đáng để không làm chậm trễ dịch vụ.

Cung cấp cho nhà thầu tư vấn tài liệu khảo sát, hồ sơ thiết kế sơ bộ và các tài liệu khác có liên quan đến việc xây dựng hạng mục công trình.

Có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án khi Nhà tư vấn yêu cầu để thực hiện các dịch vụ tư vấn.

Thực hiện việc ký kết hợp đồng với nhà thầu

Tổ chức nghiệm thu hồ sơ.

Giám sát quá trình thực hiện của Nhà thầu.

Có trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.